TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2025
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đặng Hồng Phước

2. Bà Phạm Thị Kim Thảo

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 439/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị Kim H, sinh năm 1979 (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ C, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ C, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 01/8/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Mai Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân**:** Bà và ông Nguyễn Văn H1 xây dựng hôn nhân tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, không tổ chức đám cưới, có đăng ký kết trễ hạn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 75/BH, quyển số I/2007, ngày

28/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà ít có được hạnh phúc, luôn bất đồng quan điểm, ông H1 thường xuyên ăn nhậu, quậy chửi vợ những lời lẽ không tế nhị, không quan tâm đến vợ con, hay kiến chuyện vô cớ, bà cố gắng nhẫn nhịn dung hoà để lo cho con, bà tạo điều kiện và tha thứ nhiều lần cho ông H1 để ông sửa đổi, nhưng ông H1 không sửa đổi mà lại gây áp lực nhiều hơn, bà và ông H1 đã ly thân từ năm 2023, ông H1 có gặp bà năn nỉ muốn hàn gắn nhưng bà nhất quyết không chịu. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông H1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ P, sinh ngày 26/4/2002 và Nguyễn Phúc H2, sinh ngày 25/12/2005. Hiện 02 con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo Văn bản trình bày ý kiến ngày 26/11/2024 và Biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 02 năm 2025, bị đơn - Ông Nguyễn Văn H1 trình bày:

Ông và bà H kết hôn năm 2007, cả hai sống chung đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó ly thân cho đến nay, trong thời gian ly thân ông có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm nhưng bà H không đồng ý, nay trước yêu cầu ly hôn của bà H ông không đồng ý vì ông vẫn còn thương vợ thương con. Ông xác định cả hai có 02 con chung là Nguyễn Thị Mỹ P, sinh ngày 26/4/2002 và Nguyễn Phúc H2, sinh ngày 25/12/2005, P đã có gia đình và hiện 02 con đều đi làm xa. Vợ chồng ông và bà H không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông H1; Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà H không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H1 do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Văn H1 có nơi cư trú tại tổ C, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn – Bà H vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên bà đã có Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/12/2024 phù hợp theo quy định pháp luật nên được chấp nhận; Bị đơn là ông H1 đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H và ông H1.

2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà H và ông H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 75/BH, quyển số I/2007 ngày 28/5/2007. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống giữa bà H và ông H1 xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục, theo bà H là do nguyên nhân do ông H1 thường xuyên nhậu nhẹt chửi mắng bà với những lời lẽ không tế nhị, không quan tâm đến vợ con, hay kiếm chuyện vô cớ, bà cố gắng nhẫn nhịn dung hoà để lo cho con, bà tạo điều kiện và tha thứ nhiều lần cho ông H1 nhưng ông vẫn không sửa đổi nên cả hai đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Về phía ông H1 cũng xác định giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2022 đến nay nhưng ông không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương vợ, tuy nhiên ông H1 không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn lại quan hệ tình cảm. Mặc khác theo Mai Thị Kim B là em ruột của bà H trình bày tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 18/02/2025 về tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông H1: Bà H và ông H1 phát sinh mâu thuẫn từ khoảng 6, 7 năm nay, nguyên nhân do ông H1 thường xuyên ăn nhậu, nghiện rượu, chửi mắng vợ con, có lời lẽ đe doạ bạo lực, bà H khuyên can không được nên xảy ra bất hoà giữa vợ chồng, sự việc mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng nên giữa bà H và ông H1 đã sống ly thân nhau hơn 1 năm, mẹ bà cũng có khuyên can ông H1 nhưng ông vẫn không sửa đổi tính tình nên bà H đã kiên quyết ly hôn với anh H1, gia đình cũng không hàn gắn can thiệp gì được. Theo bà cả hai không có khả năng đoàn tụ, vì bà H kiên quyết ly hôn.

Từ những cơ sở nêu trên, xét thấy mâu thuẫn thực sự trầm trọng, khả năng hàn gắn là không có, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Mai Thị Kim H là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về con chung: Giữa bà H và ông H1 có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ P, sinh ngày 26/4/2002 và Nguyễn Phúc H2, sinh ngày 25/12/2005. Hiện 02 con chung đã trưởng thành, bà H và ông H1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó hội đồng xét xử không xem xét.

4] Về án phí: Bà H là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[5] Quyền kháng cáo: Bà H và ông H1 có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Mai Thị Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Mai Thị Kim H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007823 ngày 07/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Quyền kháng cáo: Bà Mai Thị Kim H và ông Nguyễn Văn H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Trinh